

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ
TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 01&02/7/2017

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp TT	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
1	Hoàng Thị An	TAB01	27/6/1997	Ngọc Thiện - Tân Yên - Bắc Giang	TAB-21	6,5	6,5	6,5	5,0	6,1	Trung bình	Nói
2	Mạc Văn Bình	TAB02	21/6/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-28	7,5	7,5	3,0	3,0	5,3	Trung bình	
3	Sùng Mí Chía	TAB03	13/4/1992	Sảng Tùng - Đồng Văn - Hà Giang	TAB-29	6,5	7,0	5,5	4,0	5,8	Trung bình	
4	Hoàng Thị Chúc	TAB04	12/6/1996	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	7,5	7,5	3,5	8,0	6,6	Trung bình	
5	Vi Thị Cúc	TAB05	24/7/1996	Đèo Gia - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-15	6,5	6,5	7,0	7,0	6,8	Trung bình	Nói
6	Nông Quốc Cường	TAB06	10/6/1996	Bắc Hợp - Nguyên Bình - Cao Bằng	TAB-27	8,0	9,0	3,5	5,0	6,4	Trung bình	Viết, Nói
7	Trần Văn Đại	TAB07	2/4/1995	Tiên Lục - Lạng Giang - Bắc Giang	TAB-28	5,0	7,5	6,0	3,0	5,4	Trung bình	
8	Đàm Văn Đạo	TAB08	14/9/1994	Phù Ngọc - Hà Quảng - Cao Bằng	TAB-29	2,0	3,5	5,0	4,0	3,6	Không đạt	
9	Nguyễn Thị Diệu	TAB09	2/10/1982	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-29	7,5	7,5	7,0	7,0	7,3	Khá	
10	Bùi Nam Định	TAB10	1/30/1995	Trực Đạo - Trục Ninh - Nam Định	TAB-29	6,5	6,5	5,0	5,0	5,8	Trung bình	
11	Lê Thị Dịu	TAB11	10/3/1985	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-29	7,5	8,0	6,5	8,0	7,5	Khá	
12	Dương Tùng Dương	TAB12	4/11/1996	Hương Vỹ- Yên Thế - Bắc Giang	TAB-29	7,0	6,5	3,0	4,0	5,1	Trung bình	
13	Lê Thị Hạnh	TAB13	7/24/1995	Đức Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	TAB-29	7,5	7,5	6,0	5,0	6,5	Trung bình	
14	Lê Thị Minh Hiền	TAB14	9/5/1996	Định Trung - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	TAB-15	5,5	7,0	5,0	5,0	5,6	Trung bình	Nói
15	Đinh Văn Hiếu	TAB15	1/26/1996	Văn Phong - Nho Quan - Ninh Bình	TAB-28	7,5	7,5	5,0	5,0	6,3	Trung bình	
16	Bùi Thị Hoà	TAB16	7/8/1996	Mãn Đức - Tân Lạc - Hoà Bình	TAB-22	7,5	7,0	6,0	5,0	6,4	Trung bình	Nghe, đọc, viết
17	Chu Thị Hoài	TAB17	2/10/1985	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	7,5	7,0	6,5	5,0	6,5	Trung bình	
18	Nguyễn Ngọc Hoàn	TAB18	9/24/1987	Canh Nậu - Yên Thế - Bắc Giang	TAB-29	7,5	7,5	6,0	6,0	6,8	Trung bình	
19	Hoàng Thị Hồng	TAB19	3/26/1974	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	7,5	7,5	5,0	4,0	6,0	Trung bình	
20	Hoàng Văn Hùng	TAB20	3/18/1996	Kim Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-28	7,5	8,0	7,0	7,0	7,4	Khá	
21	Nguyễn Huy Hùng	TAB21	11/7/1997	Khắc Niệm - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB-22	-	-	-	-	-	-	bảo lưu

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp TT	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
22	Nguyễn Văn Hưng	TAB22	8/6/1996	Đức Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	TAB-28	7,5	7,5	5,5	5,0	6,4	Trung bình	
23	Nguyễn Thu Hường	TAB23	6/16/1996	Sơn Bình - Tam Đường - Lai Châu	TAB-29	6,0	6,5	7,5	8,0	7,0	Khá	
24	Quách Cao Hường	TAB24	4/14/1997	Phú Lâm - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB-22	8,5	9,5	7,0	7,0	8,0	Giỏi	Viết
25	Nguyễn Thị Thanh Huyền	TAB25	5/4/1988	Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	7,5	7,5	6,5	8,0	7,4	Khá	
26	Đặng Văn Khánh	TAB26	8/25/1997	Vạn An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	TAB-23	6,5	8,0	3,5	3,0	5,3	Trung bình	Viết, Nói
27	Lê Trọng Khánh	TAB27	9/2/1995	Xuân Hưng - Thọ Xuân - Thanh Hoá	TAB-29	7,5	8,5	7,5	6,0	7,4	Khá	
28	Hoàng Văn Khoa	TAB28	11/27/1995	Hoàng Lương - Hiệp Hoà - Bắc Giang	TAB-28	6,0	6,0	6,0	8,0	6,5	Trung bình	
29	Nguyễn Đức Khôi	TAB29	10/6/1995	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-22	9,0	8,0	3,0	5,0	6,3	Trung bình	Viết
30	Phan Thị Liêm	TAB30	1/11/1995	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-25	9,5	7,5	6,0	5,0	7,0	Trung bình	Nói
31	Ngô Thắng Lợi	TAB31	11/13/1995	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	-	8,0	6,5	3,5	7,0	6,3	Trung bình	
32	Hứa Văn Minh	TAB32	8/31/1991	Chi Lăng - Trang Định - Lạng Sơn	TAB-29	6,0	8,5	3,5	4,0	5,5	Trung bình	
33	Dương Thị Mơ	TAB33	5/10/1995	Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-29	7,5	8,5	3,5	5,0	6,1	Trung bình	
34	Nông Văn Nam	TAB34	10/19/1995	An Lập - Sơn Động - Bắc Giang	-	7,5	9,0	5,0	7,0	7,1	Trung bình	
35	Lò Thuý Nga	TAB35	12/22/1996	Thanh Yên - Điện Biên - Điện Biên	TAB-15	7,5	6,5	3,0	8,0	6,3	Trung bình	Viết, Nói
36	Hoàng Đức Ngọc	TAB36	11/11/1996	Xuân Lương - Yên Thế - Bắc Giang	TAB-29	6,0	6,5	6,0	5,0	5,9	Trung bình	
37	Hoàng Thị Nỗi	TAB37	9/4/1996	Bằng Lang - Bắc Quang - Hà Giang	TAB-28	6,5	5,5	7,5	7,0	6,6	Trung bình	
38	Nguyễn Thị Phương	TAB38	6/28/1992	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	6,5	8,5	6,0	5,0	6,5	Trung bình	
39	Nguyễn Xuân Quang	TAB39	10/10/1969	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-29	-	-	-	-	-	-	bảo lưu
40	Đặng Ngọc Quý	TAB40	6/1/1996	Điều Lương - Cẩm Khê - Phú Thọ	TAB-21	7,5	7,5	5,0	6,0	6,5	Trung bình	Viết
41	Phón Văn Sáng	TAB41	11/20/1992	Cốc Pàng - Bảo Lạc - Cao Bằng	TAB-24	7,0	5,0	3,5	5,0	5,1	Trung bình	Đọc, viết, nói
42	Nguyễn Minh Sơn	TAB42	11/14/1995	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	TAB-29	6,0	4,5	6,0	6,0	5,6	Trung bình	
43	An Xuân Sung	TAB43	3/12/1996	Hương Lâm - Hiệp Hoà - Bắc Giang	TAB-28	6,0	7,0	3,5	4,0	5,1	Trung bình	Viết, nói
44	Trịnh Thanh Tài	TAB44	11/12/1996	Yên Đồng - Ý Yên - Nam Định	TAB-21	7,0	7,5	5,0	6,0	6,4	Trung bình	Viết, nói
45	Chu Văn Mạnh Thái	TAB45	8/4/1996	Tân Hồng - Từ Sơn - Bắc Ninh	TAB-28	6,0	6,0	6,0	8,0	6,5	Trung bình	
46	Nguyễn Tiến Thành	TAB46	2/6/1995	Tiên Du - Bắc Ninh	TAB-29	7,0	6,0	7,0	5,0	6,3	Trung bình	
47	Bùi Thị Thảo	TAB47	6/24/1995	Mỹ An - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-29	6,5	8,5	7,0	6,0	7,0	Khá	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp TT	Điểm nghe	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
48	Đỗ Văn Thảo	TAB48	6/15/1996	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-29	6,0	8,5	7,0	5,0	6,6	Trung bình	
49	Đào Thị Thu	TAB49	11/8/1987	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-29	6,5	7,5	6,0	7,0	6,8	Trung bình	
50	Dương Ngô Thuần	TAB50	2/13/1972	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	6,5	6,5	6,0	6,0	6,3	Trung bình	
51	Nguyễn Thị Thuỳ	TAB51	7/30/1996	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	TAB-29	4,0	7,0	5,0	4,0	5,0	Trung bình	
52	Nguyễn Thị Trang	TAB52	2/5/1996	Mình Đạo - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB-14	8,0	7,0	5,0	8,0	7,0	Trung bình	Nói
53	Âu Văn Triệu	TAB53	5/27/1995	Sa Lý - Lục Ngạn - Bắc Giang	-	6,0	8,0	3,0	5,0	5,5	Trung bình	
54	Nguyễn Việt Trung	TAB54	10/14/1996	TT Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-23	9,0	5,0	5,0	6,0	6,3	Trung bình	Viết
55	Nguyễn Ngọc Tú	TAB55	11/21/1994	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	5,0	4,0	5,5	4,0	4,6	Không đạt	
56	Thân Đức Tuấn	TAB56	1/28/1995	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-25	8,0	7,0	3,0	4,0	5,5	Trung bình	Viết, nói
57	Nguyễn Hữu Tùng	TAB57	10/16/1996	Hiên Vân - Tiên Du - Bắc Ninh	TAB-28	6,0	9,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình	
58	Hoàng Khánh Vân	TAB58	3/18/1994	Xã Đình Lập - Đình Lập - Lạng Sơn	-	6,5	9,5	7,5	6,0	7,4	Khá	
59	Hoàng Anh Việt	TAB59	1/31/1994	Tam Hiệp - Yên Thế - Bắc Giang	TAB-28	5,5	8,5	3,0	4,0	5,3	Trung bình	
60	Nguyễn Tuấn Vũ	TAB60	9/2/1994	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	TAB-28	5,0	8,5	3,5	5,0	5,5	Trung bình	
61	Tổng Thị Yên	TAB61	6/2/1982	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	TAB-28	6,0	8,5	7,0	7,0	7,1	Khá	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 61

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 02

Số thí sinh dự thi: 59

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 2

Số thí sinh đạt yêu cầu: 57

Trong đó:

Loại Giỏi 1

Loại Khá 9

Loại Trung bình 47

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra
(Đã ký)

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2017

Thư ký Hội đồng kiểm tra
(Đã ký)

Phan Văn Cường